

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Thanh T**, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Cao Minh Đ**, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp A, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Bùi Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Cao Minh Đ tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai, hai bên chỉ quen nhau trong khoảng 20 ngày thì tổ chức đám hỏi, đám cưới. Sau đám cưới khoảng 01 tuần thì tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 15-10-2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Do công việc của mỗi người, nên khi đám cưới xong anh Đ vẫn đi làm và ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn chị vẫn đi làm và ở trọ tại Khu công nghiệp T, tỉnh Tiền Giang nên vợ chồng không sống chung với nhau. Khoảng 01 đến 02 tháng vợ chồng mới gặp nhau một lần nhưng tính tình không hợp nên chị và anh Đ cũng ít nói

chuyện với nhau nên tình cảm vợ chồng không có. Sự việc này gia đình hai bên biết nhưng cũng không hòa giải hàn gắn được. Từ khoảng tháng 03-2019 đến nay, chị và anh Đ không còn liên lạc với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Cao Minh Đ dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị Thanh T và anh Cao Minh Đ tranh chấp về ly hôn; anh Đ cư trú tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Cao Minh Đ không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Đ, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thanh T và anh Cao Minh Đ là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117/2018, ngày 15-10-2018. Theo chị T thì hôn nhân giữa hai bên là do có người làm mai, không có thời gian tìm hiểu, sau khi cưới do đặc thù công việc nên vợ chồng không chung sống với nhau từ đó tình cảm vợ chồng không có. Hai bên gia đình có động viên hàn gắn nhưng do tính tình không hợp nên giữa chị T, anh Đ đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 3-2019 đến nay. Mặc dù lời trình bày trên do chị T nêu ra, nhưng anh Đ không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh Đ đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng

có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T và anh Đ không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, phía anh Đ không có ý kiến gì về phần này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh T. Cho chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn với anh Cao Minh Đ.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17396 ngày 10-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị T đã thi hành xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực